



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy

Ngày 30/06/2025	15,250 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.7%	45.2%	99.3%

DT thuần Q2/25
188
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 89.1 89.8%
YoY: ▲ 84.0 80.5%

LN thuần Q2/25
3,506
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3,434 4783%
YoY: ▲ 3,402 3271%

LN sau thuế Q2/25
3,504
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3,437 5092%
YoY: ▲ 3,396 3145%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
1868%
YoY: +/- ▲ 1796%

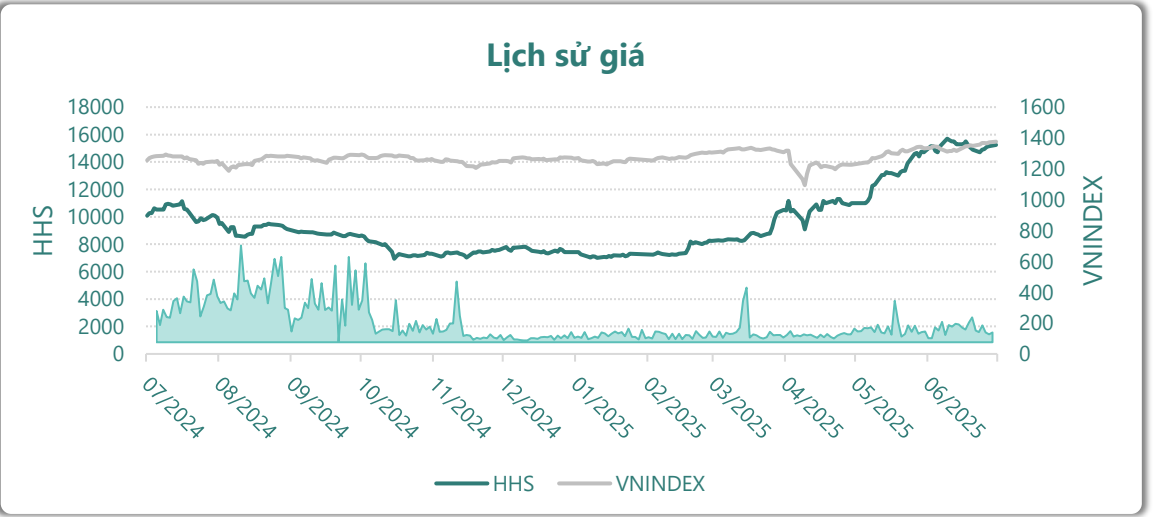
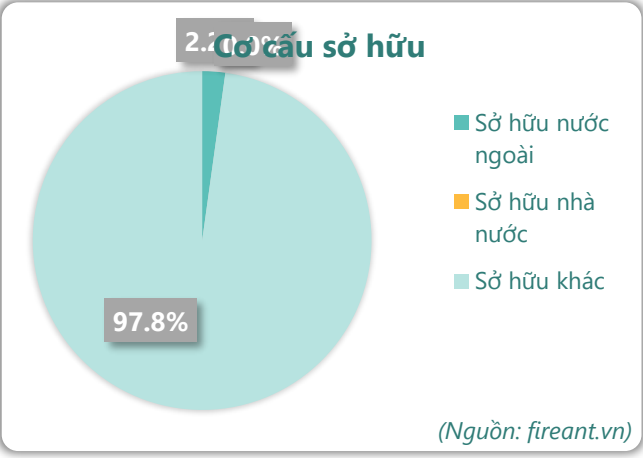
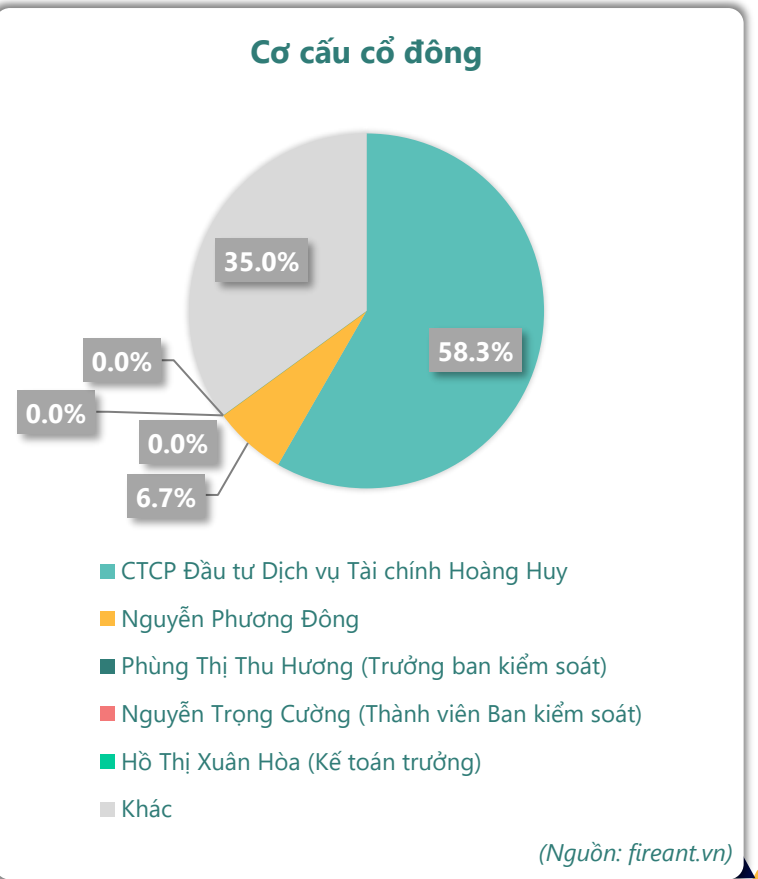
ROE (TTM) Q2/25
34.4%
YoY: +/- ▲ 28.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,940 - 15,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,588
Số lượng CPLH (CP)	431,985,968
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,829,015
Sở hữu nước ngoài	2.2%
Beta	1.15
EPS	8,528
P/E	1.8

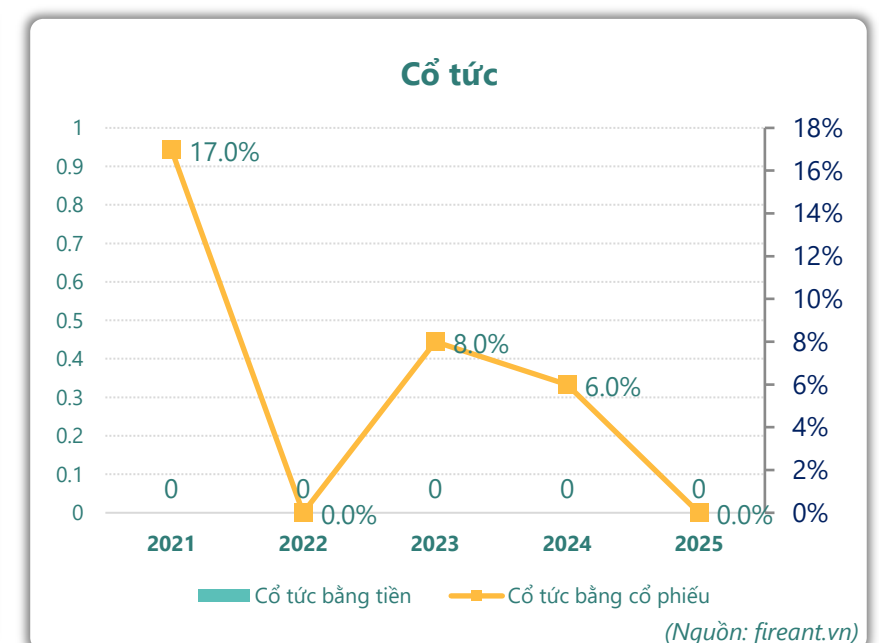
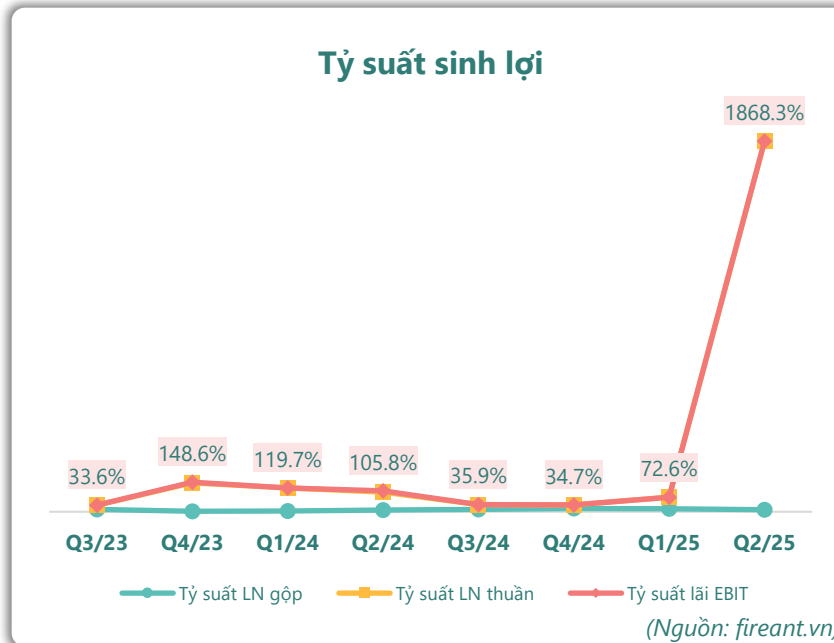
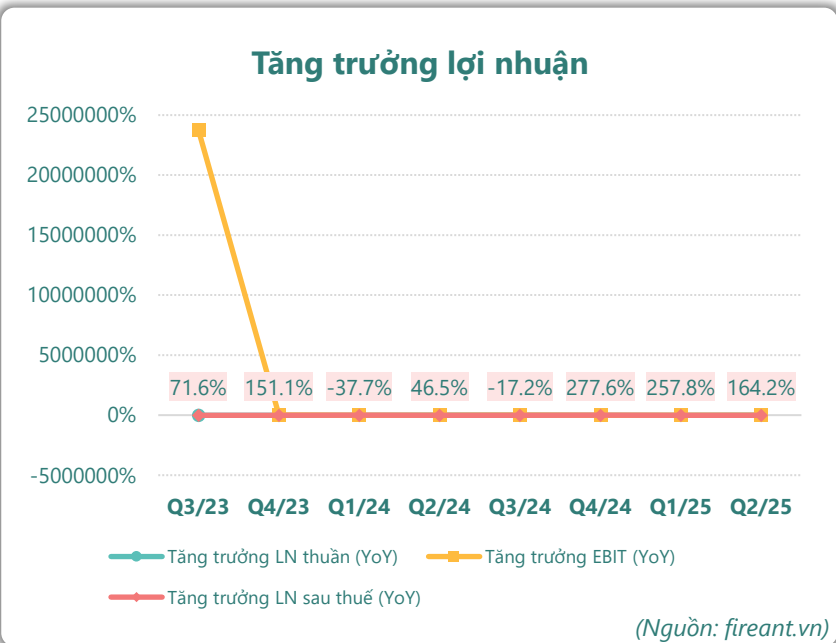
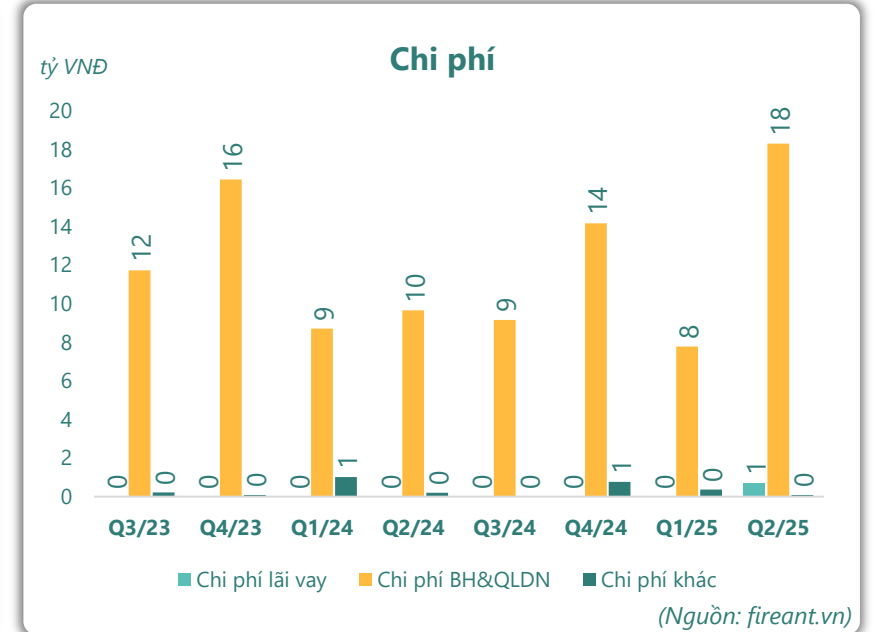
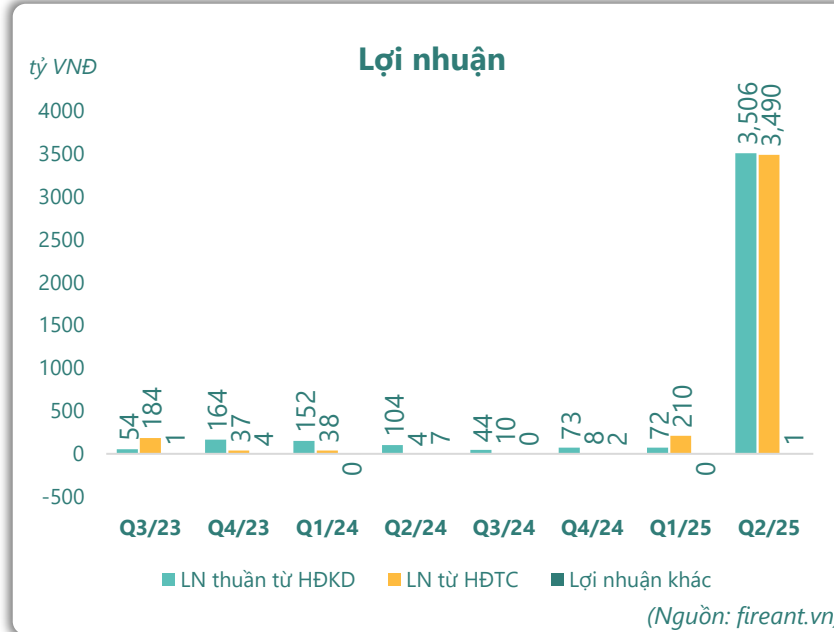
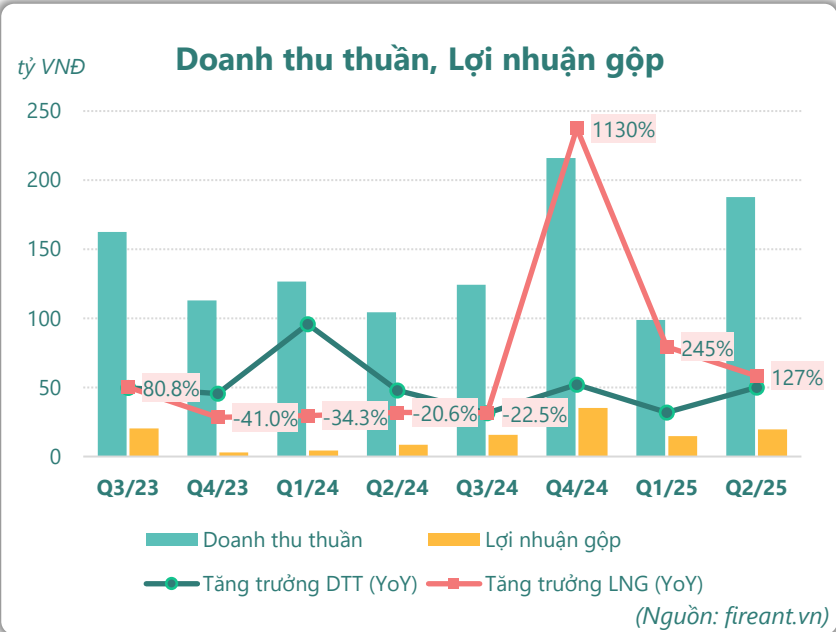
DT thuần 6T 2025
287
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 56.0 24.1%

LN thuần 6T 2025
3,578
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3,323 1300%

LN sau thuế 6T 2025
3,572
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3,313 1281%



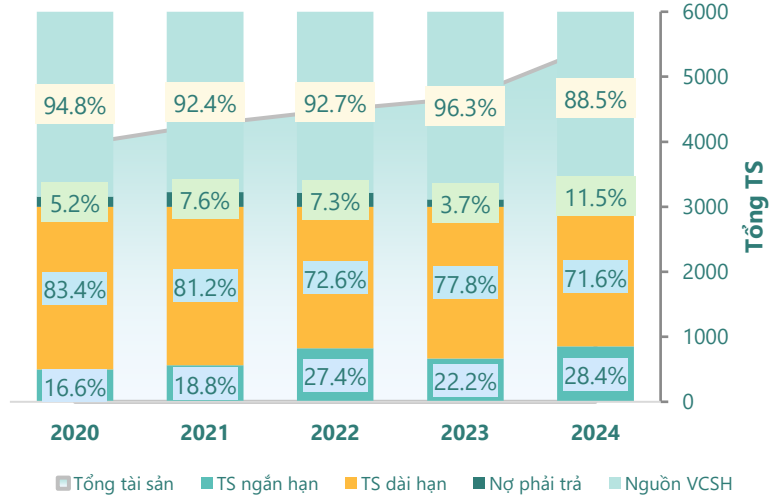
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

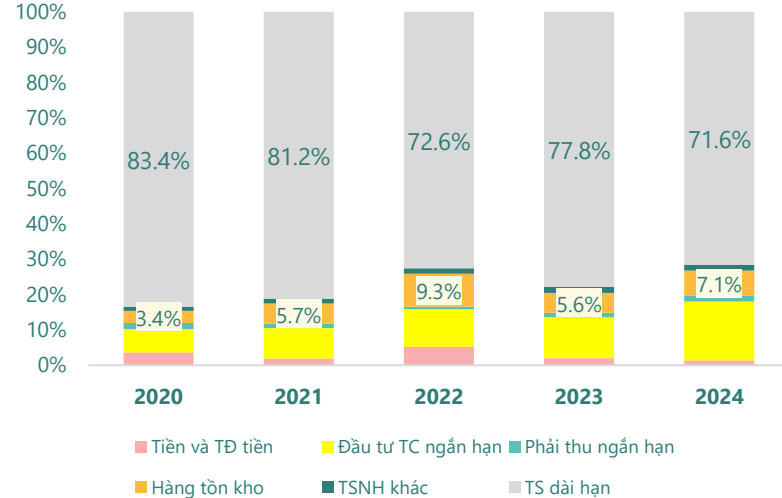
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

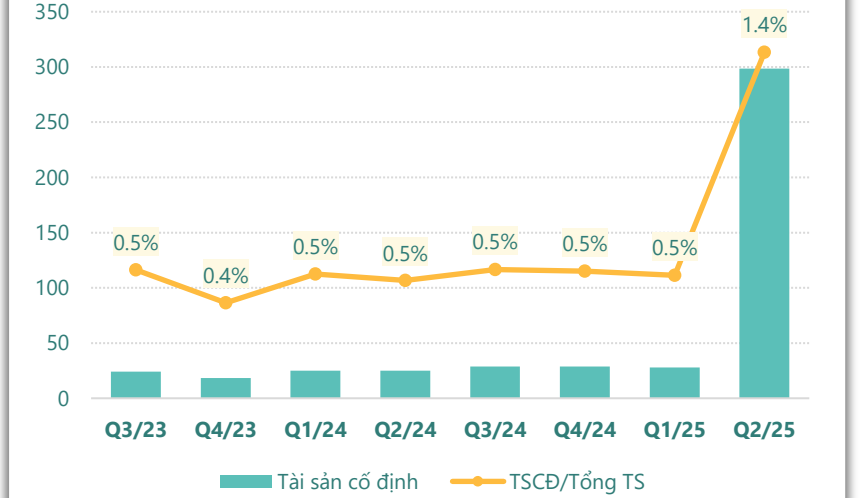
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

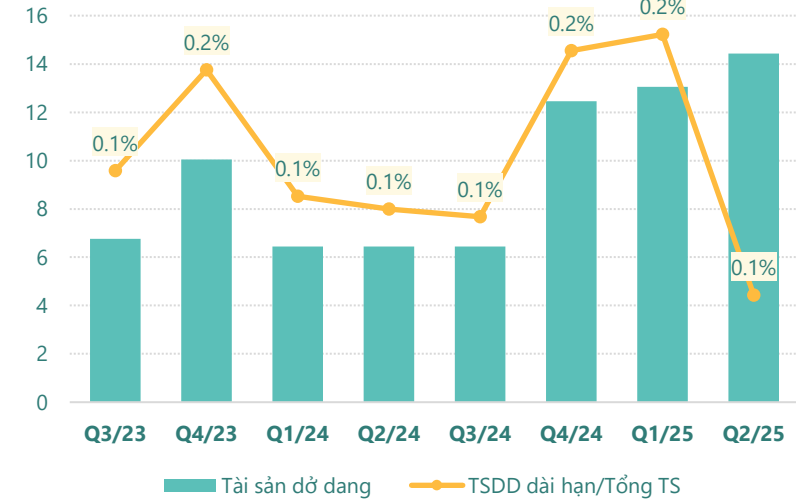
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

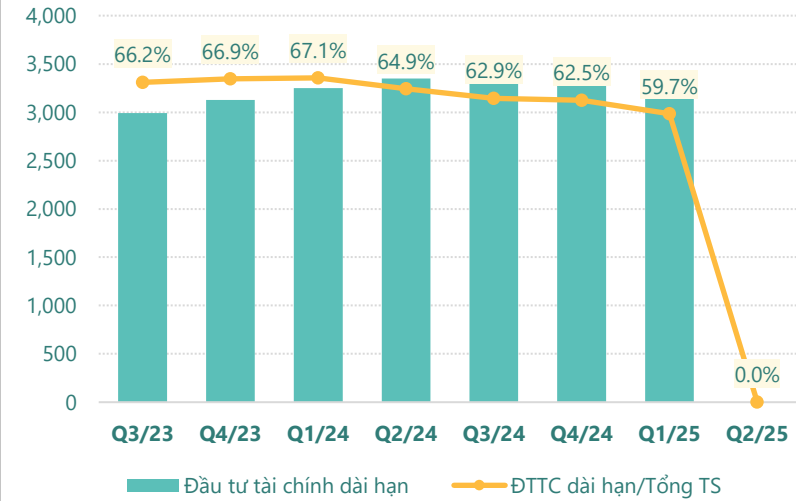
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

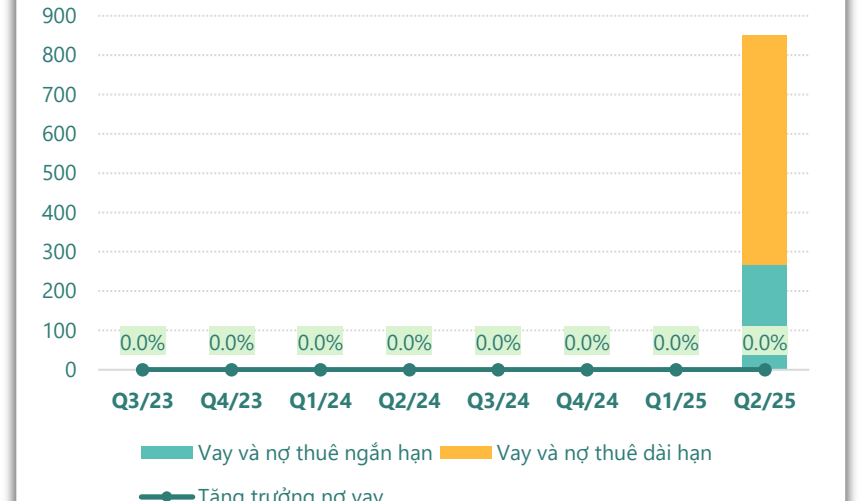
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

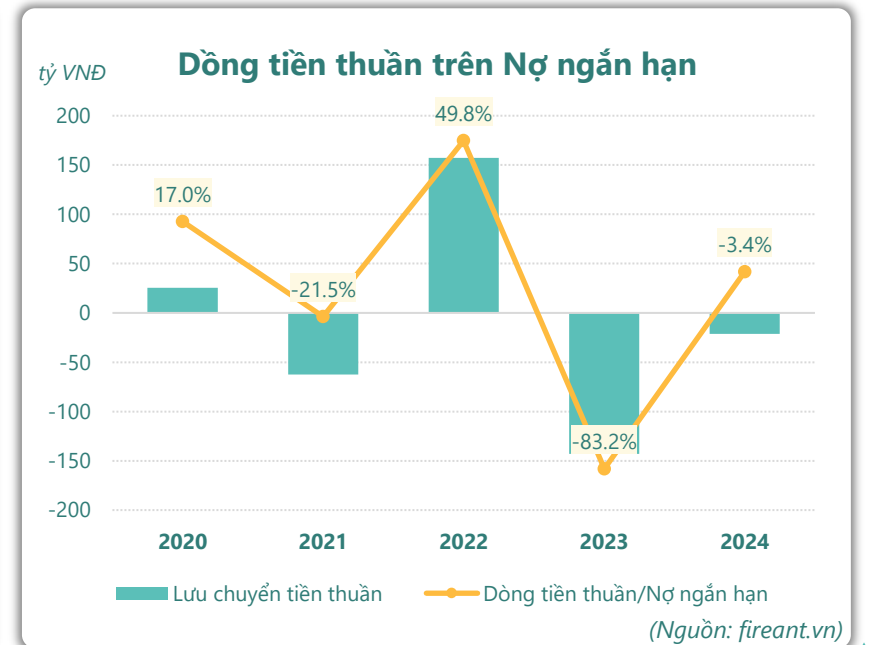
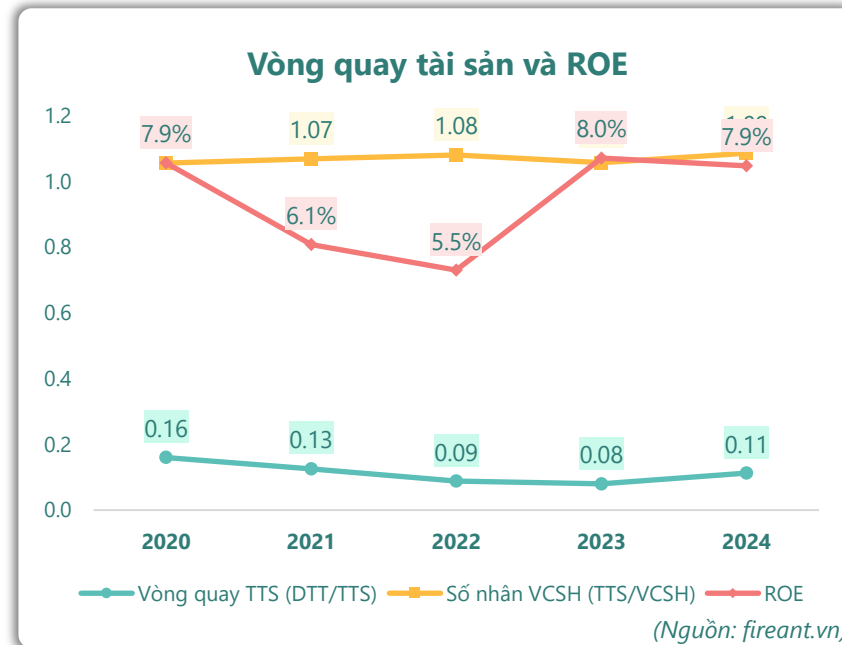
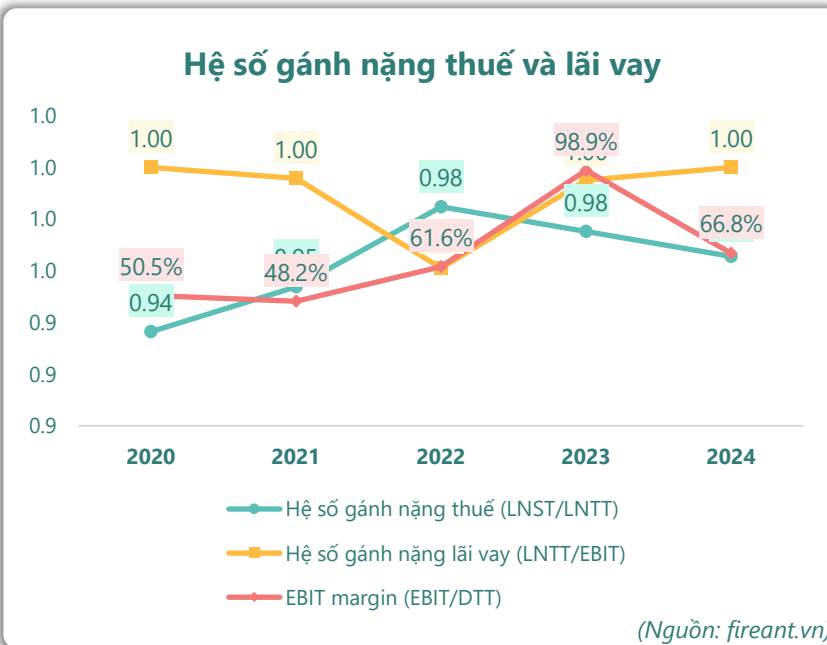
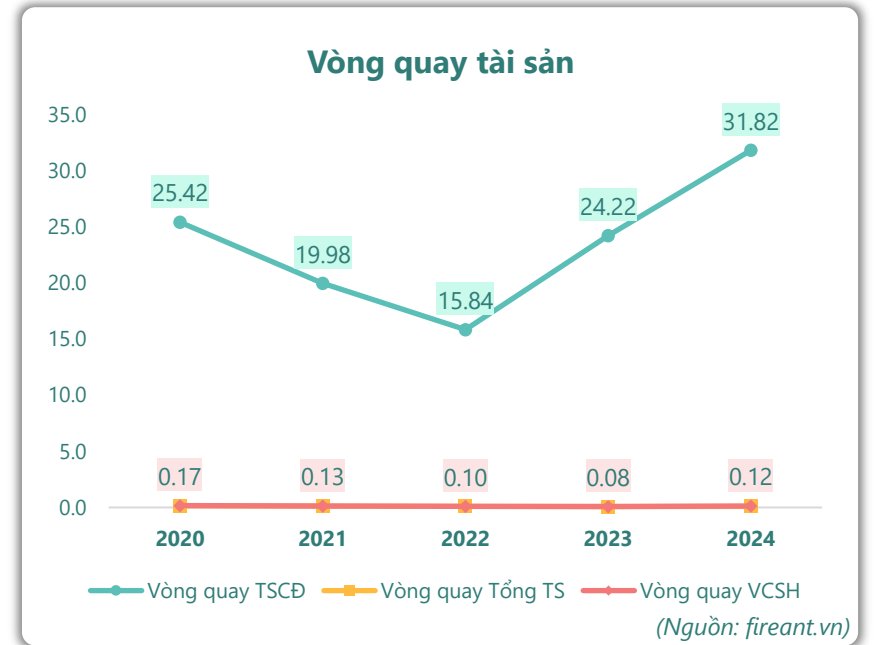
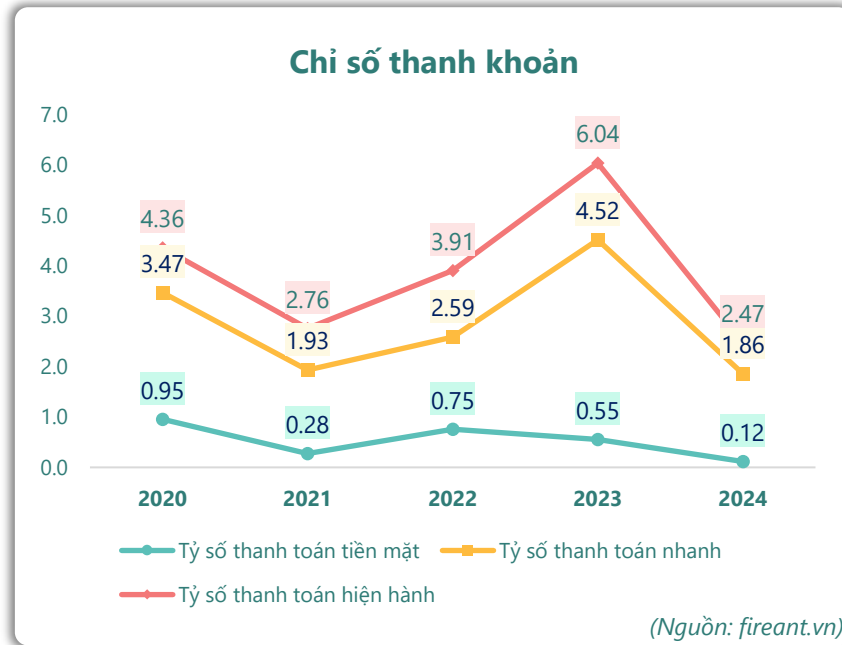
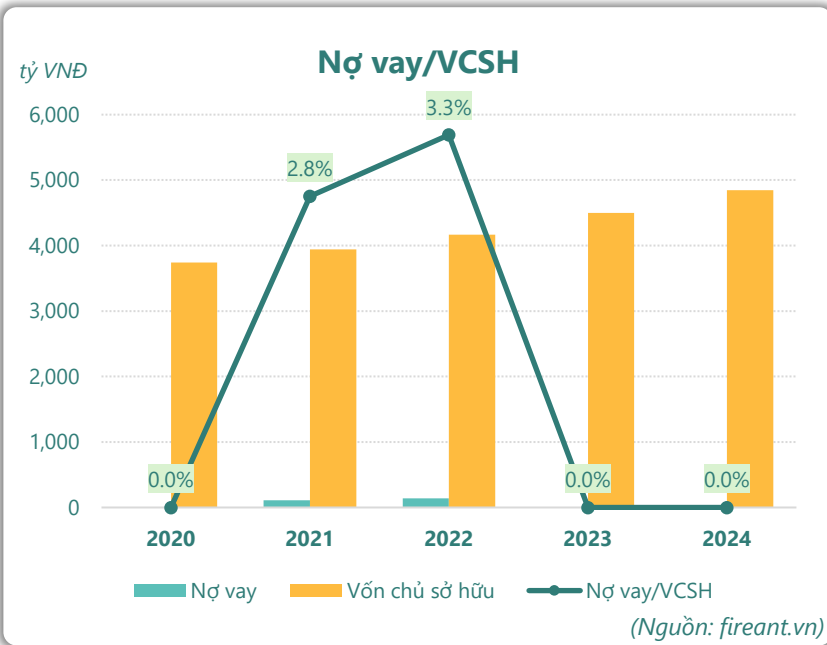
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	188	104	80.5%	287	231	24.1%
Giá vốn hàng bán	168	95.8	75.5%	252	218	15.7%
Lợi nhuận gộp	19.6	8.65	127%	34.4	12.9	166%
Doanh thu HĐTC	3,502	8.75	39927%	3,712	46.5	7884%
Chi phí TC	12.3	4.74	161%	12.3	4.74	161%
Chi phí lãi vay	0.71	0.00		0.71	0	
LN trong công ty LKLD	14.7	101	-85.5%	-130	219	-159%
Chi phí bán hàng	10.8	6.86	56.8%	15.8	13.3	18.4%
Chi phí QLDN	7.55	2.80	170%	10.3	5.03	105%
LN thuần từ HĐKD	3,506	104	3271%	3,578	255	1300%
Lợi nhuận khác	1.02	6.96	-85.3%	1.02	6.47	-84.3%
LN trước thuế	3,507	110	3088%	3,579	262	1266%
Lợi nhuận sau thuế	3,504	108	3145%	3,572	259	1281%
LNST của CĐ cty mẹ	3,507	108	3147%	3,574	257	1288%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	65.6	33.5	59.0	132	-23.0	-311
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-92.8	-52.0	-44.5	-123	274	139
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-0.01	0	0	0	800
Tiền đầu kỳ	94.9	67.7	49.2	63.7	73.0	324
Lưu chuyển tiền thuần	-27.2	-18.5	14.5	9.94	251	628
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.02	0.00	-0.63	0	0.00
Tiền cuối kỳ	67.7	49.2	63.7	73.0	324	952

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	20,855	5,477	281%
Tài sản ngắn hạn	17,813	1,555	1045%
Tiền và tương đương tiền	952	73.0	1204%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	613	914	-32.9%
Phải thu ngắn hạn	711	93.6	659%
Hàng tồn kho	15,348	386	3872%
Tài sản ngắn hạn khác	189	87.9	115%
Tài sản dài hạn	3,042	3,922	-22.4%
Phải thu dài hạn	0.12	0.12	0.0%
Tài sản cố định	299	28.8	937%
Bất động sản đầu tư	2,719	454	500%
Tài sản dở dang	14.4	12.5	15.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	3,421	-100%
Tài sản dài hạn khác	9.40	6.27	50.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,163	630	560%
Nợ ngắn hạn	1,383	629	120%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	267	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	493	497	-0.7%
Nợ dài hạn	2,780	1.56	178236%
Vay và nợ thuê dài hạn	583	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	16,692	4,846	244%
Vốn chủ sở hữu	16,692	4,846	244%
Vốn điều lệ	4,320	3,680	17.4%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

